

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 22/4/2022
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Thịnh
2. Ông Lương Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Ki, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Ki, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Giáp Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L đăng ký kết hôn ngày 18/10/2012 tại UBND thị trấn Tân Dân (nay là thị trấn Tân An), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn cả 02 được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm, đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh L ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, nghiện ma túy và thường xuyên mang tài sản của gia đình đi cầm cố. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh L, có cho anh L đi uống

methadone nhưng anh L vẫn không thay đổi gì, vẫn sử dụng ma túy và ham chơi, không chịu lao động, không quan tâm chăm sóc vợ con. Việc này diễn ra liên tục gần 10 năm dẫn tới chị không còn tin tưởng anh L, không còn hy vọng về việc có thể chung sống hạnh phúc cùng anh L và cần chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh L. Chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 09/8/2014 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/6/2017. Trường hợp vợ chồng chị không thể đoàn tụ chung sống cùng nhau được, khi ly hôn chị đề nghị giao cho chị nuôi cả 02 con chung là Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc A. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ngoài yêu cầu xin ly hôn và con chung ra chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Tại phiên tòa chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có những bất đồng trong quan điểm sống và có 02 năm liền anh không đi làm không có thu nhập một mình vợ anh đi làm nuôi cả gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn, áp lực cuộc sống lớn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh thừa nhận mình nghiện ma túy, nhưng hiện tại anh đang quyết tâm cai nghiện.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chung sống nuôi dạy con cái. Nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng anh không thể đoàn tụ được, nên Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về nghĩa vụ có mặt tại phiên tòa theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 09/8/2014 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/6/2017. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Giáp Thị T là hộ nghèo cần được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là anh Nguyễn Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Y đã tiến hành tổng đạt hợp lệ 02 lần cho anh L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị T có quyền khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn L theo quy định tại Điều 51 luật hôn nhân gia đình. Bị đơn là anh Nguyễn Văn L hiện cư trú tại Tổ dân phố Ki, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân An, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 03/05/2012, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng vợ chồng: Cả nguyên đơn và bị đơn cùng xác định cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L nghiện ma túy đã lâu không thể cai nghiện được. Mặc dù anh L không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ. Nhưng anh không có cách nào để khắc phục được tình trạng của bản thân và mâu thuẫn của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu để tình trạng vợ chồng như vậy tiếp diễn cuộc sống hôn nhân sẽ không thể có hạnh phúc. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giáp Thị T đối với anh Nguyễn Văn L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Văn L đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 09/8/2014 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/6/2017. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn L đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Yêu cầu của chị T về việc xin nuôi cả 02 con chung là phù hợp với ý kiến của anh L, phù hợp nguyện vọng của con chung và hoàn cảnh thực tế và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Giáp Thị T không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ngoài yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Giáp Thị T thuộc hộ nghèo cần được miễn án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81,82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 09/8/2014 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/6/2017. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Giáp Thị T. Trả lại chị Giáp Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0009370 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Thân Văn Hiếu